

Họ và Tên:.....

ÔN TẬP ĐÁNH GIÁ GIỮA KỲ 1

Môn: HÓA 9

Lớp: 9...

I. OXIT

1. Oxit axit

Câu 1: Khí có thể dùng để tẩy trắng bột gỗ trong công nghiệp giấy và diệt nấm mốc:

- A. O_2 B. N_2 C. SO_2 D. H_2

Câu 2: Axit tương ứng với oxit SO_3 là:

- A. H_2S B. H_2SO_2 C. H_2SO_3 D. H_2SO_4
-

Câu 3: Dãy oxit tác dụng với dung dịch NaOH là:

- A. CuO , Fe_2O_3 , SO_2 , CO_2 . B. CaO , CuO , CO , N_2O_5 .
C. CO_2 , SO_2 , P_2O_5 , SO_3 . D. SO_2 , MgO , CuO , Ag_2O .
-
-

Câu 4: Hai chất nào sau đây phản ứng với nhau tạo thành canxi cacbonat?

- A. CaO và CO_2 B. $Ca(OH)_2$ và CO C. $CaSO_4$ và CO_2 D. $CaCO_3$ và C
-

2. Oxit bazơ

Câu 5: Dãy chất gồm các oxit bazơ là:

- A. CuO , NO , MgO , CaO B. CuO , CaO , MgO , Na_2O .
C. CaO , CO_2 , K_2O , Na_2O . D. K_2O , FeO , P_2O_5 , Mn_2O_7 .

Câu 6: Tên gọi của Sắt (III) oxit là:

- A. Fe_2O_3 B. FeO_3 C. Fe_3O D. Fe_3O_4

Câu 7: Vôi sống có công thức hóa học là:

- A. Ca B. $Ca(OH)_2$ C. $CaCO_3$ D. CaO

Câu 8: Chất nào sau đây có thể dùng để khử chua đất trồng trọt?

- A. HCl B. H_2SO_4 đặc C. CO_2 D. CaO

Câu 9: Dãy oxit tác dụng với nước tạo ra dung dịch kiềm:

- A. CuO , CaO , K_2O , Na_2O B. CaO , Na_2O , K_2O , BaO
C. Na_2O , BaO , CuO , MnO D. MgO , Fe_2O_3 , ZnO , PbO
-
-

Câu 10: Cặp chất tác dụng với nhau tạo ra muối natri sunfit là:

- A.** NaOH và H₂SO₄ **B.** Na₂O và SO₃ **C.** NaOH và SO₂ **D.** NaOH và SO₃
-

Câu 11: Cặp chất tác dụng với nhau tạo thành muối và nước:

- A.** Magie và dung dịch axit sunfuric **B.** Magie oxit và dung dịch axit sunfuric
C. Magie nitrat và natri hidroxit **D.** Magie clorua và natri clorua
-

Câu 12: Sắt (III) oxit tác dụng được với:

- A.** Nước, sản phẩm là axit. **B.** Axit, sản phẩm là muối và nước.
C. Nước, sản phẩm là bazơ. **D.** Bazơ, sản phẩm là muối và nước.
-

II. AXIT

Câu 13: Dãy gồm các kim loại tác dụng được với dung dịch H₂SO₄ loãng là:

- A.** Fe, Cu, Mg. **B.** Zn, Fe, Mg. **C.** Ag, Fe, Al. **D.** Fe, Zn, Ag
-
-
-

Câu 14: Khí sinh ra khi cho H₂SO₄ loãng tác dụng với Fe

- A.** H₂ **B.** SO₂ **C.** CO₂ **D.** SO₃
-

Câu 15: Tên gọi của HCl là:

- A.** Axit clohidric **B.** Axit cloric **C.** axit cacbonic **D.** hiđro cloric
-

Câu 16: Dãy gồm các kim loại tác dụng được với dung dịch H₂SO₄ loãng là:

- A.** Fe, Cu, Mg **B.** Zn, Fe, Cu **C.** Zn, Fe, Al **D.** Fe, Zn, Ag
-
-
-

Câu 17: Nhóm chất tác dụng với dung dịch HCl và với dung dịch H₂SO₄ loãng là:

- A.** CuO, BaCl₂, ZnO **B.** CuO, Zn, ZnO
C. CuO, BaCl₂, Zn **D.** BaCl₂, Zn, ZnO

Câu 18: Để phân biệt 2 dung dịch HCl và H₂SO₄ loãng. Ta dùng một kim loại:

- A. Mg B. Ba C. Cu D. Zn
-
-

Câu 19: Nhóm chất đều tác dụng với dung dịch HCl là:

- A. Na₂O, SO₃, CO₂ B. K₂O, CO, CaO
C. BaO, SO₃, P₂O₅ D. CuO, FeO, Na₂O

Câu 20: Dãy chất đều tác dụng với dung dịch HCl là:

- A. CuO, Fe₂O₃, CO₂, Fe(OH)₃ B. Fe₂O₃, Cu, MgO, Al₂O₃
C. CaO, Ag, N₂O₅, ZnO D. Mg, MgO, Cu(OH)₂, Fe₂O₃
-
-

* AXIT SUNFURIC ĐẶC, NÓNG

Câu 21: Muốn pha loãng axit sunfuric đặc ta phải:

- A. Rót nước vào axit đặc. C. Rót từ từ nước vào axit đặc.
C. Rót nhanh axit đặc vào nước. D. Rót từ từ axit đặc vào nước.

Câu 22: H₂SO₄ đặc làm bỏng da nặng là do:

- A. tính axit mạnh của H₂SO₄.
B. tính háo nước của H₂SO₄ đặc và nhiệt tỏa ra lớn
C. tính oxi hóa của H₂SO₄
D. cả 3 điều trên

Câu 23: Axit sunfuric đặc nóng tác dụng với đồng kim loại sinh ra khí:

- A. CO₂. B. SO₂. C. SO₃. D. H₂S.
-

Câu 24: Khi nhỏ từ từ H₂SO₄ đậm đặc vào đường chứa trong cốc, hiện tượng là:

- A. Sủi bọt khí, đường không tan.
B. Màu trắng của đường mất dần, không sủi bọt khí.
C. Màu đen xuất hiện và có bọt khí sinh ra đẩy đường lên trên miệng cốc.
D. Màu đen xuất hiện, không có bọt khí sinh ra.

III. CẶP CHẤT CÓ THỂ TỒN TẠI CÙNG NHAU TRONG BÌNH CHỨA

Câu 25: Cặp chất nào sau đây tồn tại trong một bình chứa?

- A. Khí SO₂ & khí CO₂ B. Dung dịch H₂SO₄, Ca(OH)₂
C. Dung dịch H₂SO₄, dung dịch NaOH D. Dung dịch H₂SO₄, dung dịch Na₂CO₃

IV. LÀM KHÔ

Câu 26: Để làm khô khí CO_2 cần dẫn khí này qua :

- A. KOH rắn B. NaOH rắn C. H_2SO_4 đặc D. CaO

Câu 27: NaOH có thể làm khô chất khí ẩm sau:

- A. CO_2 B. SO_2 C. O_2 D. HCl

Câu 28: Để làm khô khí SO_2 ẩm có thể dẫn mẫu khí này qua :

- A. NaOH. B. H_2SO_4 đ. C. CaO. D. $\text{Ca}(\text{OH})_2$.

V. HIỆN TƯỢNG HOÁ HỌC

Câu 29: Dùng quỳ tím để phân biệt được cặp chất nào sau đây:

- A. Dung dịch HCl và dung dịch KOH. B. Dung dịch HCl và dung dịch H_2SO_4 .
C. Dung dịch Na_2SO_4 và dung dịch NaCl. D. Dung dịch NaOH và dung dịch KOH.

Câu 30: Nhóm chất tác dụng với dd H_2SO_4 loãng sinh ra chất kết tủa màu trắng:

- A. Na_2O , BaCl_2 B. AgNO_3 , BaCl_2
C. NaOH, $\text{Ba}(\text{NO}_3)_2$ D. $\text{Ba}(\text{OH})_2$, BaCl_2

Câu 31: Chất phản ứng được với dung dịch HCl tạo ra một chất khí có mùi hắc, nặng hơn không khí và làm đục nước vôi trong:

- A. Zn B. Na_2SO_3 C. FeS D. Na_2CO_3

Câu 32: Nhóm chất tác dụng với dd H_2SO_4 loãng sinh ra chất kết tủa màu trắng:

- A. ZnO, BaCl_2 B. CuO, BaCl_2
C. BaCl_2 , $\text{Ba}(\text{NO}_3)_2$ D. $\text{Ba}(\text{OH})_2$, ZnO

Câu 33: Cặp chất đều làm đục nước vôi trong Ca(OH)_2 :

- A.** CO_2 , Na_2O **B.** CO_2 , SO_2 **C.** SO_2 , K_2O **D.** SO_2 , BaO
-
-

Câu 34: Dãy chất tác dụng với dd H_2SO_4 loãng tạo thành dung dịch màu xanh lam:

- A.** CuO , MgCO_3 **B.** Cu , CuO
C. $\text{Cu(NO}_3)_2$, Cu **D.** CuO , Cu(OH)_2
-
-

Câu 35: CuO tác dụng với dung dịch H_2SO_4 tạo thành:

- A.** Dung dịch không màu. **B.** Dung dịch có màu lục nhạt.
C. Dung dịch có màu xanh lam. **D.** Dung dịch có màu vàng nâu.
-
-

Câu 36: Thuốc thử dùng để nhận biết dung dịch HCl và dung dịch H_2SO_4 là:

- A.** K_2SO_4 **B.** Ba(OH)_2 **C.** NaCl **D.** NaNO_3
-
-

Câu 37: Dãy các chất tác dụng được với dd H_2SO_4 loãng tạo thành chất khí:

- A.** BaO , Fe , CaCO_3 **B.** Al , MgO , KOH
C. Na_2SO_3 , CaCO_3 , Zn **D.** Zn , Fe_2O_3 , Na_2SO_3
-
-
-

VI. TÍNH TOÁN

1. Cơ bản

Câu 38: Cho 6,72 lít CO_2 (đktc) tác dụng với dung dịch $\text{Ba}(\text{OH})_2$ dư. Khối lượng chất kết tủa thu được là :

- A. 19,7 g B. 19,5 g C. 19,3 g D. 59,1 g

Câu 39: Thể tích khí SO_2 (đktc) thu được khi cho 14 gam Fe tác dụng với dung dịch H_2SO_4 đặc, nóng là:

- A. 4,48 lít B. 6,72 lít C. 8,4 lít D. 2,14 lít

Câu 40: Hòa tan 6,32 gam kali sunfit vào dung dịch axit clohidric dư. Thể tích khí SO_2 thu được ở đktc là:

- A. 2,24 lít B. 0,896 lít C. 1,12 lít D. 4,48 lít

Câu 41: 0,1 mol Fe_2O_3 tác dụng vừa đủ với:

- A. 0,2 mol HCl B. 0,6 mol HCl C. 0,05 mol HCl D. 0,3mol HCl

Câu 42: Cho 0,2 mol kim loại Fe vào dd HCl dư. Khối lượng muối thu được là:

- A. 13,6 g B. 1,36 g C. 20,4 g D. 25,4 g

2. Dư

Câu 43: Khi trộn lẫn dung dịch X chứa 1 mol HCl vào dung dịch Y chứa 1,5 mol NaOH được dung dịch Z. Dung dịch Z làm quì tím chuyển sang:

- A. Màu đỏ B. Màu xanh C. Không màu. D. Màu tím.

3. Dung dịch

Câu 44: Hòa tan 32 gam SO_3 trong nước thu được 500 ml dung dịch axit. Nồng độ mol dung dịch axit thu được là:

- A. 0,2 M B. 0,4 M C. 0,6M D. 0,8 M

Câu 45: Hoà tan 9,4 g kali oxit vào nước được 0,8 lít dd A. Nồng độ mol của dd A là:

- A. 0,25M B. 0,5M C. 1M D. 2M

Câu 46. Thể tích dd HCl 0,5M cần dùng để trung hòa 80ml dd NaOH 1M là :

- A. 170ml. B. 160ml. C. 210ml. D. 180ml.

Câu 47: Cho 300ml dung dịch HCl 1M vào 300ml dung dịch NaOH 0,5M. Nếu cho quì tím vào dung dịch sau phản ứng thì quì tím chuyển sang:

- A. Màu xanh. B. Không đổi màu. C. Màu đỏ D. Màu vàng nhạt.

Câu 48: Cho 500ml dd $\text{Ba}(\text{OH})_2$ 0,1M vào 100ml dd H_2SO_4 0,2M. Khối lượng kết tủa thu được là:

- A. 46,60 g B. 5,13 g C. 4,66 g D. 1,96 g